

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HS-PT

Ngày: 25-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Dương Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 61/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 06 năm 2021, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Uông Văn B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 20 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980. Tại Tiền Giang. Nơi ĐKTT: Số 380 Tổ 10, ấp BP, xã TMC, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1951; Bản thân chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-8-2020 cho đến nay. Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Thạnh. (Có mặt)

2. Uông Văn B, sinh năm: 1986. Tại Tiền Giang. Nơi ĐKTT: Số 337/2A ấp LM, xã PT, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Uông Văn L, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1984, có 01 con sinh năm 2011; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 05-4-2019 bị Công an thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa đóng phạt.

Nhân thân: Ngày 06-6-2020, Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-8-2020 cho đến nay. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Thạnh. (Có mặt)

- Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:

- Bị cáo: Nguyễn Phước Đ, sinh năm: 1981; Nơi ĐKTT: số 11 TTT, phường A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Phan Thanh N, sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Số 223A TNG, phường B, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30-7-2020, Nguyễn Phước Đ, sử dụng điện thoại đi động (ĐTDD) hiệu Nokia màu xanh, gắn sim số 0948.420.448 gọi vào sim số 0845.859.439 của một người phụ nữ tên D không rõ nhân thân lai lịch, đặt mua 15.900 bao thuốc lá điều nhập lậu (sau gọi tắt là thuốc lá). Sau đó, Đ thuê xe ô tô hiệu Mitsubishi, biển số 63A-098.38 của anh Phan Thanh N và điều khiển xe đến gửi tại bãi xe số 107 TNH thuộc ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Đến chiều ngày 31-7-2020, Đ liên hệ qua ĐTDD rủ và thuê Nguyễn Văn T và Uông Văn B điều khiển xe ô tô của Đ đã thuê trước đó, đến cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp thuộc thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để nhận, trả tiền mua thuốc lá và đi giao hai chuyến cho Đ gồm: chuyến thứ nhất giao 3.900 bao thuốc lá hiệu JET cho một người đàn ông, có biệt danh “VL” không rõ nhân thân lai lịch trên đoạn đường gần thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp và chuyến thứ hai giao 12.000 bao thuốc lá các loại cho 04 người gồm: 01 người nam trên địa bàn huyện Chợ Gạo và 03 người nữ trên địa bàn thành phố Mỹ Tho, đều thuộc tỉnh Tiền Giang, tất cả đều không rõ nhân thân lai lịch. Đ thỏa thuận với B và T, sau khi đi nhận và giao thuốc lá xong 02 chuyến trên, Đ sẽ trả công cho B và T mỗi người từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng/chuyến, B và T biết rõ Đ mua thuốc lá về bán lại kiếm lời nhưng đồng ý cùng tham gia thực hiện. Đ đưa cho T số tiền 190.000.000 đồng để trả tiền mua thuốc lá và chi phí trên đường đi, cùng 01 ĐTDD Nokia màu đen, gắn sim số 0778.185.490, trong điện thoại lưu sẵn số điện thoại của người giao, người nhận thuốc lá và số điện thoại người canh đường để tránh lực lượng Công an phát hiện do D cho số điện thoại, để T liên lạc.

Đến khoảng 17 giờ ngày 31-7-2020, B đến bãi giữ xe 107 TNH, lấy xe ô tô, biển số 63A-098.38 do Đ đã gửi trước đó, điều khiển xe đến nhà rước T. Sau đó, B

điều khiển xe ô tô chở T ngồi ở ghế phụ xe đi từ thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đến bãi đất trống gần công ty Tainan, cách cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp khoảng 300m, thuộc ấp ONT, xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Tại đây, T và B gặp 02 người đàn ông đeo khẩu trang che mặt điều khiển 02 xe mô tô không rõ đặc điểm chở 3.900 bao thuốc lá đến giao cho T và B. Sau khi nhận thuốc lá, T và B cùng nhau xếp lên xe xong, B điều khiển xe ô tô chở T ngồi ở ghế phụ xe đến thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. T liên hệ với người đàn ông biệt danh “VL” lưu trong điện thoại để giao thuốc lá, người nhận hướng dẫn B và T điều khiển xe ô tô đi đến đoạn đường vắng thuộc thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp gặp và giao số thuốc lá cho 03 người đàn ông đeo khẩu trang che mặt đứng chờ sẵn. Sau khi, giao xong chuyến thứ nhất. B điều khiển xe ô tô chở T quay lại địa điểm nhận thuốc lá trước đó ở thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, lúc này có 04 người đàn ông đeo khẩu trang che mặt, điều khiển 04 xe mô tô không rõ đặc điểm chở 12.000 bao thuốc lá các loại đến giao cho T và B. Sau khi nhận thuốc lá và xếp lên xe xong, T trả số tiền 180.000.000 đồng cho 02 lần nhận thuốc lá cho một người trong số những người giao thuốc, rồi lên xe ô tô. B điều khiển xe ô tô đi theo hướng Quốc lộ 62 từ thị xã Kiến Tường về huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An để đi giao chuyến thứ hai trên địa bàn thành phố Mỹ Tho và huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01-8-2020, khi B và T điều khiển xe ô tô lưu thông đến đoạn Km50 Quốc lộ 62, thuộc ấp BM, xã KB, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an huyện Tân Thạnh dùng phương tiện kiểm tra và bắt quả tang, tạm giữ các tang vật gồm: 7.800 bao thuốc lá hiệu JET; 1.200 bao thuốc lá hiệu HERO; 3.000 bao thuốc lá hiệu SCOTT.

Ngoài ra, vào khoảng 11 giờ ngày 31-7-2020, B sử dụng ĐTDĐ Samsung (không rõ đời máy), gắn sim số 0941.738.478 điện thoại cho một người tên C (không rõ nhân thân) nhờ mua ma túy đá với số tiền 300.000 đồng, mục đích để sử dụng. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô đến ngã ba Chợ đêm ở Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để gặp B, B đưa cho C số tiền 300.000 đồng và nhận 01 túi nylon có rãnh khếp viền màu xanh lá hàn kín, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng, dạng rắn và cát giấu vào bóp để trong túi quần Jean phía trước, bên phải đang mặc. Sau đó B đi nhận, giao thuốc lá cho Đ thì bị lực lượng Công an huyện Tân Thạnh bắt quả tang. B đã tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh tạm giữ 01 túi nylon có rãnh khếp viền màu xanh lá hàn kín, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng, dạng rắn; 01 bóp (ví) màu đen, đã qua sử dụng, chiều dài 18cm, chiều rộng 11,5cm, trên bóp có chữ BALLY đã qua sử dụng.

Tại Bản Kết luận giám định số 691/2020/KLGD ngày 07-8-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Long An kết luận 01 túi nylon có rãnh khếp viền màu xanh lá hàn kín, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng, dạng rắn là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2825 gam. Hoàn lại đối tượng giám định: mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 0,1579 gam, được niêm phong số 691.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 07/2021/HS-ST ngày 20 tháng 04 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước Đ, Nguyễn Văn T và bị cáo Uông Văn B phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19-11-2020. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T và Uông Văn B mỗi bị cáo 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01-8-2020.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Uông Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Uông Văn B 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt bị cáo Uông Văn B phải chấp hành về hai tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01-8-2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26-4-2021, các bị cáo Nguyễn Văn T và Uông Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T và Uông Văn B thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xử, bị cáo Nguyễn Văn T xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” là đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo Uông Văn B xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Các bị cáo kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Qua xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm. Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; bị cáo Uông Văn B phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 190 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha của bị cáo là người có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Đối với bị cáo Uông Văn B án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha của bị cáo là người có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo B còn được

hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù; xử phạt bị cáo Uông Văn B 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Uông Văn B kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 Bộ luật Tố tụng Hình sự và trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 30-7-2020 bị cáo Đ liên hệ ĐTDĐ đặt mua 15.900 bao thuốc lá từ người phụ nữ tên D (không rõ nhân thân) ở gần cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp thuộc thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Chiều ngày 31-7-2020, Đ rủ và thuê bị cáo T, B điều khiển xe ô tô hiệu Mitsubshi, biển số 63A-098.38 do Đ thuê trước đó vào ngày 30-7-2020 của anh Phan Thanh N đến cửa khẩu để nhận thuốc lá, trả tiền đồng thời đi giao hai chuyến cho Đ. T và B biết rõ Đ mua thuốc lá về bán lại kiếm lời nhưng đồng ý cùng tham gia thực hiện. Khi đi nhận, giao thuốc lá Đ đưa cho T số tiền 190.000.000 đồng, cùng 01 ĐTDĐ có lưu sẵn số điện thoại của người giao, người nhận thuốc lá. Đến khoảng 17 giờ ngày 31-7-2020, B điều khiển xe ô tô chở T ngồi ở ghế phụ xe đến bãi đất trống, cách cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp khoảng 300m, nhận 3.900 bao thuốc lá từ 02 người đàn ông không rõ nhân thân và đi giao thuốc lá cho 03 người đàn ông không rõ nhân thân trên đoạn đường vắng thuộc thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi giao xong chuyến thứ nhất, B điều khiển xe ô tô chở T quay lại địa điểm nhận thuốc lá trước đó, tiếp tục nhận 12.000 bao thuốc lá từ 04 người đàn ông không rõ nhân thân và trả số tiền 180.000.000 đồng cho 02 lần nhận thuốc lá và đi giao chuyến thứ hai cho Đ. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01-8-2020, khi B và T điều khiển xe ô tô lưu thông đến đoạn đường Km 50 Quốc lộ 62, thuộc ấp BM, xã KB, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an huyện Tân Thạnh dừng phương tiện kiểm tra và bắt quả tang, tạm giữ tang vật gồm: 7.800 bao thuốc lá hiệu JET; 1.200 bao thuốc lá hiệu HERO; 3.000 bao thuốc lá hiệu SCOTT. Trong quá trình kiểm tra Uông Văn B khai

nhận có mua của một thanh niên tên C 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng. B đã giao nộp cho Công an huyện Tân Thạnh 01 túi nylon có rãnh khếp viền màu xanh lá hàn kín, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng, dạng rắn.

[3] Các bị cáo Nguyễn Văn T, Uông Văn B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm phạm đến những quy định của nhà nước về trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo biết được thuốc lá nhập lậu là mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ nhưng vì muốn có thêm thu nhập mà các bị cáo đã nghe theo sự rủ rê của bị cáo Nguyễn Phước Đ và thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Phước Đ, Nguyễn Văn T, Uông Văn B đủ yếu cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” được quy định tại Điều 190 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo buôn bán 12.000 bao thuốc lá ngoại nhập lậu nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo.

[4] Đối với hành vi tàng trữ 0,2825 gam ma túy Methamphetamine của bị cáo Uông Văn B đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Ma túy không chỉ gây tác hại đến sức khỏe, nhân cách con người, cản trở sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và ý thức được tác hại của ma túy, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tàng trữ, nên cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T, Uông Văn B thấy: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha của các bị cáo là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo B có nhân thân xấu, từ đó xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Uông Văn B mỗi bị cáo 08 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[6] Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú, cha của bị cáo B là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, nên án sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[7] Bị cáo Nguyễn Văn T, Uông Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhưng các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo T và bị cáo B là phù hợp, tương xứng với hành vi cũng như nhân thân của các bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Uông Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Uông Văn B; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 20 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Tuyên bố bị cáo Uông Văn B phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01-08-2020.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Uông Văn B 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Uông Văn B 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt bị cáo Ông Văn B phải chấp hành về hai tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01-8-2020.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự; tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn T, Ông Văn B 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (25-10-2021) để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Ông Văn B mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện (02);
- VKSND huyện (01);
- Chi cục THADS huyện (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đức